

# DẤN THÂN

*Minh Nguyệt K17/1*

Từ trước năm 1975 tôi đã từng tham dự những buổi họp mặt của các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (CSVSQ/TVBQGVN). Trong những lần họp mặt, tôi nhớ nhất là buổi họp của Khoá 17 vào năm 1967 được tổ chức ở bên Bạch Đằng, Sài Gòn. Hôm đó tôi đã được chứng kiến CSVSQ K17 Võ Toàn trong bộ áo trận, đi từ chiến trường về thẳng nơi họp khoá, trông anh thật kiêu hùng và hiên ngang. Các anh K17 tay bắt mặt mừng nâng ly chào đón nhau thật thân tình như anh em ruột thịt.

Khi biến cố 30 tháng Tư năm 1975, mọi người dân phải bỏ nước ra đi tìm tự do để lánh nạn cộng sản, lúc đó các CSVSQ người thì phải đưa gia đình đi định cư nơi xứ lạ quê người, người thì bị bắt vào lao tù Cộng Sản. Những CSVSQ sống lưu lạc nơi xứ lạ quê người đã tìm đến nhau, khởi đầu từ một vài gia đình, hẹn gặp nhau để hàn huyên tâm sự, dần dần họp thành khoảng 10 gia đình, hàng tuần sinh hoạt với nhau để ôn lại những kỷ niệm của Trường Mẹ, để quyên góp tiền gửi về Việt Nam cho các đồng môn cần sự giúp đỡ.

Vào thời gian đó, khi vừa đến định cư ở Hoa Kỳ, vợ chồng

tôi đã sinh hoạt với các anh chị CSVSQ trong gia đình K16, gồm có các anh chị: Nguyễn Văn Úc, Lê Minh Ngọc, Tôn Thất Lăng, Nguyễn Văn Long, Vĩnh Quốc, và nhiều anh chị khác mà tôi không nhớ tên. Rồi những năm kế tiếp, các CSVSQ/ TVBQGVN đã có thể lập thành từng Khoá Võ Bị của 31 khoá, liên lạc với nhau để tổ chức những buổi họp mặt Tất Niên, Tân Niên, Đại Hội CSVSQ/ TVBQGVN mỗi 2 năm. Đại Hội bầu ra Tổng Hội Trưởng để đại diện Tập Thể Võ Bị thi hành các quyết định do Đại Hội Hồng đề ra.

Tôi đã sinh hoạt với Tổng Hội Võ Bị hơn nửa thế kỷ và ngưỡng mộ Truyền Thống Võ Bị. CSVSQ/ TVBQG và gia đình đã bỏ ra nhiều tâm huyết, thời giờ và công sức trong những lần tổ chức Đại Hội của Tập Thể Võ Bị. Một sinh hoạt bình thường và quan trọng là phát hành Tập San Đa Hiệu, được coi là Cơ Quan Ngôn Luận của Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN. Các khoá Võ Bị đều đã góp bài vở, công sức và tài chánh; và của các thân hữu độc giả, Tập San Đa Hiệu đã được liên tục phát hành cho đến ngày hôm nay. Tổng cộng được 127 số kéo dài trên 40 năm.

Tập Thể Võ Bị luôn giữ mối giây liên hệ thân thiết với những tổ chức trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Những lần Đại Nhạc Hội Cám Ổn Anh Người Thương Binh VNCH, tập thể Võ Bị đã luôn nỗ lực hỗ trợ ban tổ chức ĐNH-COA trong những công tác quyên góp tài chánh, an ninh, ẩm thực, và văn nghệ. Trong những ngày Lễ như Quốc Khánh, Quân Lực, ngày Giỗ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Ngày Tưởng Niệm 30 Tháng Tư Đen, các CSVSQ/ TVBQGVN luôn đến tham dự với vòng hoa tưởng niệm, trong đó Hội Võ Bị Nam California thường xuyên tham dự các buổi lễ này tại Nam California.

Tuần vừa qua, một ngày Chủ Nhật thật đẹp trời, tôi đã đến tư gia của ái nữ của một CSVSQ K18 để họp về các chương trình dự trù trong tương lai như tổ chức Tất Niên, phát hành Tập San Đa Hiệu, và Đại Hội Truyền Thống năm 2024. Buổi

họp gồm các CSVSQ, TĐ TTNDH, các chị PNLV, và vài CSVSQ từ Paris, và trong nước Mỹ dự thính qua điện thoại Viber. Nhìn tổng quát, tôi nhận thấy các Niên Trưởng Niên Đệ dù đã klo71n tuổi, nhưng quý anh trông còn khoẻ mạnh và năng động



***Họp Khoá CSVSQ K17/TVBQGVN tại Bến Bạch Đằng,  
Sài Gòn - 1967***

Nam Sinh Tín, Lê Văn Lễ và các chị K17/1. (Ngồi giữa là  
chị Lê Văn Lễ và Minh-nguyệt.)

Chúng tôi được ăn sáng với cà phê và bánh Patê Sô, mọi người cười nói rôm rả vì có dịp gặp mặt đông vui như sáng nay.

9:30, bắt đầu buổi họp. Các CSVSQ được đề cử đã vui vẻ bằng lòng nhận lãnh công tác được giao phó. Theo yêu cầu, các chị PNLV ngồi dự thính cũng được đưa ra những ý kiến đóng góp. Các tiết mục tiến triển rất thuận lợi và vui vẻ, và mọi người đồng tâm hưởng ứng với những tràng pháo tay thật lớn.

Buổi họp kết thúc bằng bữa ăn trưa với những món ăn cực

kỳ hấp dẫn, ngon chi lạ; bánh xèo, bánh mì bò kho do ái nữ của CSVSQ K18 đã trổ tài đãi các bác và cô chú, bánh mì cà ri gà do bàn tay khéo léo của một chị K23/1 đã chuẩn bị từ sáng sớm.

“Người ơi người ở đừng về”,... lưu luyến chia tay nhưng không quên những túi hồng dòn do chủ nhà, chủ Vườn cây Lá Thiêu trao tặng.

Thấm thoát đã 48 năm lưu lạc nơi quê hương thứ hai. Làm sao quên được những biến cố hãi hùng đã xảy ra cho đất nước Việt Nam vào Tháng Tư năm 1975. Nay tuy các CSVSQ đã tới tuổi xế chiều, nhưng tâm trí của các anh vẫn còn minh mẫn, vẫn còn hăng say với lý tưởng quốc gia, vẫn ngày ngày đến với nhau sinh hoạt, gọi cho nhau chia sẻ tâm tư về Trường Mẹ và Tập Thể Võ Bị. Họ cũng luôn mời gọi các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu cùng đóng góp cho đại gia đình Võ Bị cùng chung lý tưởng tham gia vào Đại Hội XXIII. (Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, một tổ chức độc lập, đi theo con đường đấu tranh cho lý tưởng, tự do và nhân quyền, dân thân để khôi phục đất nước Việt Nam dân chủ thực sự, không còn Cộng Sản.)

Chỉ cần có ý chí, quyết tâm, và nghị lực trong cuộc sống mới đem lại thành công trên con đường đấu tranh mà ta muốn đạt được.

***Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi  
mà khó vì lòng người ngại núi e sông***

***(Nguyễn Bá Học)***

## Hồi Ký

# Những Tháng Ngày Trong Quân Ngũ

Lê Quốc Toàn, K20

Hồi ký này tôi viết để ôn lại những ngày tháng tôi ở trong quân ngũ của QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA. Xin nói trước, tôi chỉ là một sĩ quan bình thường, không có chi xuất sắc đáng đề ý. Tôi viết như đem chút tâm tình nhớ về những kỷ niệm một thời không quên của một người lính trải qua 12 năm hân hạnh được phục vụ trong quân ngũ, yêu tổ quốc, yêu quê hương. Nếu quý vị không chê xin mời đọc.

Tôi sinh ra từ miền Trung, đất cày lên sỏi đá. Làng tôi cách phá Tam Giang khoảng năm cây số. Nơi đây đã đi vào lịch sử và còn ghi trong sử sách:

*“Thương em anh cũng muốn vô  
Sợ trướng nhà Hồ sợ phá Tam Giang...”*

Nhưng qua thời gian huyền bí vô biên, con phá không còn nguy hiểm nữa:

*“Phá Tam Giang ngày rày đã cạn  
Trướng nhà Hồ nội táng cảm nghiêm.”*

Phá Tam Giang lại một lần nữa được cố Nhạc Sĩ Nhật



Trường Trần Thiện Thanh nhắc đến khi ông viết một ca khúc rất hay, có tên ‘Chiều Trên Phá Tam Giang’, nhân một buổi chiều ông có dịp theo một chiến đoàn Thủy Quân Lục Chiến hành quân ngang qua nơi đây.



*Những ngày gian khổ của Tân Khóa Sinh.*

Khi tôi lớn lên, thôi thúc vì tình yêu quê hương và thích phiêu lưu mạo hiểm, tôi đã quyết định làm đơn xin thụ huấn tại TVBQGVN. Thế rồi một buổi sáng nhiều mây, tôi và một số thanh niên cùng tuổi tác đáp máy bay đến Đà Lạt để làm thủ tục nhập trường. Ngày hôm đó, cách đây 60 năm, 7 tháng 12 năm 1963, tôi cùng 425 chàng trai từ khắp nơi của miền Nam thân yêu tụ tập về Đà Lạt. Nơi đây, ngày nhập trường của Khóa 20 Võ Bị sắp bắt đầu.

Cũng giống như tôi, họ là những tinh hoa của đất nước thân yêu đã tình nguyện chọn đường binh nghiệp trực tiếp bảo vệ quê hương.

Từ đó, với thời gian huấn luyện về Văn Hóa và Quân Sự kéo dài hai năm, chúng tôi phải học tập ba lãnh vực cốt lõi tóm tắt như sau:

1. Tám tuần huấn nhục là tám tuần lột xác, khổ nhất của một thời làm tân khóa sinh. Chỉ sau tám tuần lễ chúng tôi được khổ luyện để từ một sinh viên dân sự lè mè trở thành

một chiến binh ngoan cường, kỷ luật, sẵn sàng đối mặt với bao tình cảnh khó khăn khi ra đơn vị cầm quân tiêu diệt quân thù, với tinh thần có tiến mà không có lùi, chấp nhận hy sinh ngoài chiến địa đền nợ nước nếu rủi gặp vận xui. Tám tuần sơ khởi huấn nhục này rất cần thiết để trang bị phần mở đầu cho một sĩ quan tài ba xuất thân từ trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

2. Rèn luyện quân sự: Trước tiên chúng tôi được huấn luyện về thể dục để từ một thư sinh chân yếu tay mềm trở thành một nam nhi cường tráng có đủ nghị lực chống chọi với thiên nhiên, mọi địa hình chiến địa. Song song với rèn luyện thể dục, chúng tôi khổ công học tập về quân sự qua các bài học cốt lõi như: Hành quân vượt sông, rừng núi sinh lầy, dạ hành, leo trèo đoạn đường chiến binh, xạ thủ các loại súng, khổ luyện thái cực đạo, xác định địa hình chớp nhoáng... vv và vv... nói sao cho hết.

3. Học văn hóa: Đa số SVSQ Khóa 20 đều đã học tại các trường đại học ngoài đời. Chẳng hạn như tôi, đã học chứng chỉ Toán Đại Cương và Vật Lý (MGP) tại Đại Học Huế một năm trước khi tôi "tòng quân" vào trường Võ Bị. Vào đây, song song với học cơ bản về quân sự, suốt hai năm trời chúng tôi còn được học thêm về văn hóa, do các giáo sư trong Văn Hóa Vụ tận tình chỉ dạy. Đặc biệt, những phòng thí nghiệm rất tối tân khiến và hiện đại nên việc học của chúng tôi đã có những kết quả tích cực. Khóa chúng tôi còn được dạy thêm Tân Đại Số (Modern Algebra), được bồi bổ thêm Anh ngữ. Chương trình học tương đương chương trình hai năm đại học bên ngoài, nhưng thực dụng hơn, cung cấp đầy đủ kiến thức cho một cấp chỉ huy quân đội sau này.

Các mật trận vô cùng sôi động khắp bốn Vùng Chiến Thuật, các chiến trường đang cần thêm các sĩ quan chỉ huy, chương trình học của Khóa 20 rút ngắn còn có 23 tháng rưỡi (*ít hơn nửa tháng so với dự trù*). Sau gần hai năm khổ công rèn luyện, ngày 20 tháng 11 năm 1965, Khóa 20 mãn khóa với 407 sinh viên tốt nghiệp, với cấp bậc thiếu úy. Rất tiếc đã có 18 bạn cùng khóa đã không đi hết đoạn đường, vì nhiều lý do.

Sau đó, như một đàn chim vỡ tổ tung cánh bay đi bốn

phương, đa số chúng tôi đã được gửi đi bốn vùng Chiến Thuật, nơi có những trận giao tranh đẫm máu. Chúng tôi đã sẵn sàng. Sau một thời gian tùy thuộc vào may mắn và hoàn cảnh, thành công của mỗi người có khác nhau. Người may mắn sớm giữ những chức vụ cao, huân chương và cấp bậc được phong tới tấp. Ngược lại, có người vừa ra trường chưa đầy một tháng đã nghe tin tử trận - tổ quốc ghi ơn... Riêng tôi thì sao, một sĩ quan vào dạng đời thường?

Trước khi ra đơn vị chiến đấu, Khóa 20 chúng tôi được gửi xuống Dục Mỹ tham dự khóa học Biệt Động Quân Rừng Núi Sinh Lầy kéo dài 42 ngày. Nghe tên thấy đã mệt rồi. Mà mệt thiệt! Khí hậu Đà Lạt mát mẻ chừng nào thì Dục Mỹ nóng cháy da, mồ hôi tuôn ướt áo cho suốt cả ngày. Sinh hoạt quân trường luôn sôi động. Từ

bốn giờ sáng chúng tôi đã nghe vang tiếng hét ‘‘Biệt Động Quân! Sát!’’ của khóa sinh của nhiều khóa đến đây học. Hầu như mọi người đều chạy, kể cả Trung Tá Liễu, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện, thường quan sát và tham dự cùng các khóa sinh khác. Không tránh khỏi ngoại lệ, chúng tôi sáng thức dậy đúng bốn giờ để sẵn sàng tới các lớp học.

Sau ba tuần tập luyện tổng quát đầy gian khổ, khóa học bước qua Giai Đoạn Hai tại ba căn cứ Rừng, Núi, và Sinh Lầy. Tại mỗi căn cứ, chúng tôi đã trải qua những giai đoạn vô cùng cực nhọc. Dậy sớm khoảng năm giờ, thực tập hành quân tác chiến cấp trung đội trong ba địa thế rừng, núi, và sinh lầy khác nhau để làm quen. Giờ chấm dứt các buổi thực tập trung bình là 10 giờ, hoặc 12 giờ đêm. Lúc nào chúng tôi cũng cảm thấy thiếu ngủ và mệt mỏi, vì cường độ các buổi học và nóng bức tại đây... Nơi tôi còn nhớ là Căn Cứ Sinh tại Đèo Rọ Tượng, Nha Trang. Trong bảy ngày, quần áo chúng tôi không bao giờ khô kể cả trong giấc ngủ qua đêm. Ngoài việc chúng tôi lợi





thường xuyên trong những rừng tràm dưới nước, khi nào thấy quần áo chúng tôi khô là huấn luyện viên lại tìm cách (qua hình phạt) để nhúng nước chúng tôi. Quần áo trở nên rít vào da, bạc màu, chỗ đen chỗ trắng, da trở nên mốc và đen. Câu ví của người ta rằng nơi đây là **Trung Tâm Tàn Phá Sắc Đẹp** thì cũng không có gì sai.

Thế rồi, lại một thử thách cuối cùng trước khi khoá học chấm dứt: Chạy bộ từ Ninh Hòa về Dục Mỹ với balo và súng Garant M1, dài 11 km. Là các CSVSQ Võ Bị đã quen rèn luyện nên chúng tôi dễ dàng vượt qua. Chỉ có điều tôi nhớ người vợ hiền mới cưới ở tít xa mãi tận Đà Lạt, nên đã làm bài thơ theo gió gởi về cho nàng. Nay tôi nhớ lại hai câu thơ trong bài thơ tình cảm đó như sau:

*“Dục Mỹ cách Ninh Hòa mười ba cây số  
Buổi sáng, buổi chiều thương yêu vào giấc ngủ...”*

Sau khóa học, nơi tôi về trình diện là Trung Đoàn 44 thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Tôi được Trung Đoàn chuyển về Tiểu Đoàn 1 đóng tại Bảo Lộc. Tại đây tôi được chỉ định nắm giữ chức vụ Đại Đội trưởng Đại Đội 2, với nhiệm vụ bảo vệ các đồn điền trà và cà phê trừ phú của tỉnh Lâm Đồng, đồng thời bảo vệ trục Quốc Lộ huyết mạch 20, nối liền Di Linh - Madagui giáp ranh địa giới Biên Hòa. Để tiện bề hoạt động, Đại Đội 2 của tôi được đưa về căn cứ Đại Quay, giữ an ninh trục lộ, đặc biệt khu vực Đèo Chuối, đồng thời giữ vững an ninh cho một đơn vị thuộc Liên Đoàn 20 Công Binh Chiến Đấu xây dựng cầu đường trên QL 20.

Thỉnh thoảng vào các buổi sáng sớm bắt đầu cho các cuộc hành quân mở đường, Đại Đội 2 thường chạm súng với các đơn vị Việt Cộng địa phương. Quen thuộc với địa hình, chúng có nhiều lợi thế hơn ta. Đôi khi chúng mở các cuộc phục kích, sử dụng nhiều mìn claymore, và bẫy tại các khúc đường ngoặc vắng vẻ. Những trận do chúng bày ra đều thất bại.

Một lần, tôi chọn sáu binh sĩ gan dạ, nguy trang bằng quần áo dân sự, giấu vũ khí và lựu đạn trong người, ngò trên xe đồ bất ngờ đến nơi chúng đang thu thuế. Nhanh như cắt chúng tôi nhảy xuống xe, đồng loạt tấn công. Vì quá bất ngờ chúng

không kịp phản ứng. Trận đánh chỉ kéo dài năm phút, chúng tôi hoàn toàn thắng lợi. Nhờ thế chúng tôi được dân chúng khen ngợi, an ninh trên Đèo Chuối được vẫn hồi. Sau trận đánh, sáu binh sĩ gan dạ theo tôi đều được truy thăng Anh Dũng Bội Tinh. Có người được thăng cấp. Riêng tôi được vinh thăng trung úy, sau ba tháng tại đơn vị.

Trong chiến dịch hành quân tại Đại Quay, Đại Đội 2 dần dà hầu như tan rã chỉ vì dịch bệnh sốt rét ‘‘Đại Quay’’ ác nghiệt. Chỉ trong vòng một tháng hai phần ba quân số của Đại Đội 2 mất khả năng tham chiến vì các cơn sốt rét hành hạ, Quân Y Sư Đoàn năm lần bảy lượt xuống nghiên cứu tình hình dịch bệnh nhưng vẫn không ngăn chặn được cơn dịch sốt rét oan nghiệt đó. Lúc bảy giờ lính trong Đại Đội chuyền tai nhau một tin ‘động trời’, rằng dưới chân cầu Đại Quay có mây bụi đước, cứ đến đầu tháng nó tiết ra nước màu đỏ tựa như đàn bà có kinh, và chính các bụi đước này là nguyên nhân phát sinh bệnh sốt rét. Lẽ dĩ nhiên tất nhiên chỉ là tin đồn nhảm, nên tôi tuyệt đối căm không được phao tin thất thiệt này. Cuối cùng tôi cũng bị cơn dịch sốt rét này rờ tới. Tôi bị bệnh nặng hơn bất cứ ai trong đơn vị, vì khi trực thăng tải tôi về bệnh xá Bảo Lộc thì mọi người đều tin tôi sẽ không qua khỏi nếu nhiệt độ cơ thể tôi không giảm bớt mà cứ sốt trên 100 độ.

Cuối cùng các bác sĩ Quân Y đã cứu được tôi. Hậu quả cơn bệnh hành hạ tôi suốt gần ba năm sau đó, khiến về sau này tôi không còn đủ sức để phục vụ tại chiến trường nữa.

Khoảng tháng 6 năm 1966, tôi và hai Đại Đội Trưởng của Đại Đội 1 và 3 được Thiếu Tá Phạm Quang Anh, Tiểu đoàn Trưởng gọi lên Ban Chỉ Huy họp gấp. Ông cho biết Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 nay mai sẽ đưa về cho Tiểu Đoàn một Đại Đội FULRO Thượng. Đây là một lực lượng chính trị - quân sự của các sắc tộc Cao Nguyên Trung Phần, đấu tranh cho quyền tự quyết Tây Nguyên. Ông hỏi ai sẵn sàng nhận lãnh Đại Đội Fulro Thượng đó? Sau khi hai Đại Đội Trưởng kia từ chối, Thiếu Tá Anh quay sang tôi hỏi:

- Còn Trung Úy Toàn thì sao

Tôi nhẹ nhàng trả lời:

- Tôi nhận, đơn giản vì đây là “lệnh” của sư đoàn mà chúng ta phải thi hành.

Hai hôm sau, Đại Đội Fulro Thượng đến trình diện tôi, do Đại Úy K.Thay hướng dẫn. Quân số đại đội 120 người, cộng thêm vợ con họ tháp tùng cũng tương đương với số đó. Đa số từ hạ sĩ quan đến binh sĩ nói và nghe tiếng Kinh rất khó khăn. Đây cũng là trở ngại bước đầu của tôi đối với họ. Đại Đội 2 cơ hữu của tôi khoảng 140 người cộng thêm Đại Đội Fulro tăng cường nên số quân tôi chỉ huy lên đến 260 người. Tôi gặp phải khó khăn khi điều động hành quân trong rừng sâu, và điên cả cái đầu khi về hậu cứ phải lo nơi ăn chốn ở cho vợ con họ.

Khổ nhất vợ con họ lại theo chồng theo cha vào nơi hành quân. Tôi phải mất nhiều thời gian sau này để thuyết phục được họ phải để vợ con ở lại hậu cứ khi đi hành quân. Tôi thực sự sút nhiều cân trong thời gian này. May thay khoảng hai tháng sau Sư Đoàn rút Đại Đội Fulro Thượng này về Buôn Mê Thuột. Tôi mừng gần chết, tôi đã thoát nạn. Đại Đội Fulro Thượng này là ký ức không quên của tôi trong cuộc đời binh nghiệp, nay tôi nhớ lại như chuyện mới xảy ra hôm qua.

Trong hai năm đầu ra cầm quân tại Bảo Lộc Lâm Đồng binh sĩ rất thiệt thà và dễ thương, nhưng tôi cũng rất nghiêm khắc đối với họ khi hành quân. Họ phải mang đầy đủ súng đạn, giữ khoảng cách không được tùm năm tùm ba, đào hố cá nhân đúng kích thước khi dừng quân phòng thù, luôn đề cao cảnh giác với địch quân. Khi về hậu cứ nghỉ ngơi, tôi tìm dịp giải thích cho họ hiểu và thông suốt lý tưởng của Quân và Dân miền Nam, cũng như tội ác của Cộng Sản Hà Nội. Đồng thời, tôi tuyệt đối cấm bài bạc trong đơn vị. Khi lĩnh lương, ai có vợ phải đưa tiền cho vợ có tiền nuôi con. Tôi chỉ huy đại đội rất mất tay.

Trong suốt gần hai năm trời tôi ở đây, không ai bị tử thương mà chỉ bị thương mà thôi. Vì thế vợ con binh sĩ trong trại gia binh phao lên Trung Úy Toàn “mất tay”. Bà nào cũng mong chồng mình được phục vụ ở Đại Đội 2 của Trung Úy Toàn cho dầu họ biết tôi rất “recglo” (kỷ luật). Tôi thay đổi chiến thuật hành quân liên tục, tuyệt đối không nặng bài bản, tránh thói

quen được lập đi lập lại. Tại vùng hành quân, tôi lập tổ tam tam cho lính thông dong đi tắm, câu cá. Thế nên lính của tôi hầu như có mặt mọi nơi, khi ẩn khi hiện khiến chúng không biết nơi đâu mà rò.



*Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II tại Pleime, 1968.*

Đến đầu tháng 2/1968, Cộng Sản Hà Nội mở cuộc tấn công khắp miền Nam, đặc biệt áp lực nặng nề lên Trị Thiên thuộc Vùng 1 Chiến Thuật, Tây Nguyên - Duyên Hải thuộc Vùng 2 Chiến Thuật và Bình Long Vùng 3 Chiến Thuật. Tại Quân Khu II, Vùng 2 Chiến Thuật, Cộng Sản Bắc Việt mở hai mặt trận lớn ở Tây Nguyên và Bình Thuận nên Quân Đoàn II điều động các trung đoàn chủ lực thiện chiến hành quân đối địch. Dịp này, tôi được Trung Tá Khâm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44 điều động tôi về Tiểu Đoàn 3 theo yêu cầu của Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Mai Lang Luôn, niên trưởng của tôi. Đầu tháng 3/1968 tôi có mặt tại Phan Thiết - Bình Thuận, chỉ huy Đại Đội 3/TĐ3/TRĐ 44/SĐ23 BB.

Từ ngày tôi về Bình Thuận đến khi tôi ra đi, không có một ngày ngơi nghỉ, ngày nào cũng đụng độ với các đơn vị chủ lực tỉnh, hay lực lượng chính quy Bắc Việt vừa xâm nhập vào Nam. Nhưng trận đánh "đề đời" của Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 44 của chúng tôi là trận tiêu diệt một đơn vị đặc công Bắc Việt chiếm lĩnh lao xá Phan Thiết trong cuộc tổng tấn công đợt 2 /68.

Tình hình địch lúc bảy giờ tại Bình Thuận ghi nhận gồm các Tiểu Đoàn 480, 482 chính quy, C481 đặc công, C430, C450 chủ lực tinh cùng C485 pháo, do chính Trung Tướng Cộng Sản Năm Ngà, Tư Lệnh Quân Khu 6 Cộng Sản. Lực lượng hùng hậu của chúng hoàn toàn áp đảo quân số tại chỗ của ta. Bên ta, Tiểu Đoàn 3 của Trung Đoàn 44 thuộc Sư Đoàn 23 BB tăng phái là lực lượng nòng cốt của Tiểu Khu, kể đến là các đại đội Địa Phương Quân và các trung đội Nghĩa Quân cơ hữu giữ nhiệm vụ an ninh diện địa. Thế nên việc phản công đánh địch do chính Tiểu Đoàn 3 chúng tôi gánh vác. Toàn thể từ lính đến hạ sĩ quan và sĩ quan chúng tôi đều không nại hà gánh vác trách nhiệm khó khăn đó, vì chúng tôi ý thức được trong tình hình hiện tại lực lượng chủ lực của Quân Đoàn 2 phải phân tán nhiều nơi, gánh vác trọng trách chiến đấu với quân thù Cộng Sản Hà Nội từ Tây Nguyên Dakto – Tân Cảnh, xuống đến Buprang - Đức Lập, trở về duyên hải Bình Định – Phan Thiết. Toàn bộ chiến sĩ và đơn vị Quân Đoàn II nêu cao quyết tâm chiến thắng quân thù xâm lược.

Tôi đang chỉ huy Đại Đội 3 hợp đồng hành quân sẵn diệt địch tại mật khu rừng lá Lê Hồng Phong, mật khu này nổi tiếng là một trong những hang ổ chính của Việt Cộng tại Duyên Hải Vùng 2 Chiến Thuật. Sáng ngày 27 tháng 2 năm 1968 đại đội tôi được lệnh từ Bộ Chỉ Huy Hành Quân khẩn cấp về cứu nguy thị xã Phan Thiết đang bị Việt cộng vây hãm. Chúng đã chiếm được một vài nơi trong thị xã, đặc biệt lao xá Phan Thiết nằm cạnh Tiểu Khu vừa bị đơn vị đặc công C481 đánh chiếm, giải thoát khoảng 70 tù binh của chúng. Vừa đi vừa chạy hướng về thị xã, tôi ra khẩu lệnh trên máy truyền tin toàn thể binh sĩ vừa chạy vừa nhai C Ration (thực phẩm khô) cho đỡ đói, cố làm sao đại đội phải có mặt tại thị xã Phan Thiết trước bốn giờ chiều nay.

Thế nhưng khoảng ba giờ chiều hôm đó, đại đội đã về đến một ngôi trường bỏ hoang, cách xa mục tiêu, tức là lao xá Phan Thiết chừng 300 mét. Tôi lệnh cho hậu cứ cấp phát cho binh sĩ mỗi người một khẩu phần lương khô. Anh em binh sĩ phải ăn xong trước 03:30 giờ đề xuất phát hành quân. Phần tôi vừa ăn vừa bộ đàm theo lối mã hóa với Thiếu Tá Tiểu Đoàn

Trường Mai Lang Luôn đề nhận lệnh hành quân.

Tôi vội phổ biến ngay đến ba trung đội trưởng chiến đấu gan dạ của tôi về ý định tấn công của tôi vào lao xá Phan Thiết, và trách nhiệm của các trung đội phải thi hành như thế nào trong 30 phút sắp tới đây. Nhiệm vụ là tiêu diệt cho bằng được không để sót một móng nào của Tiểu Đoàn đặc công C481 Cộng Sản Bắc Việt đang có thủ trong lao xá. Tôi cũng kêu gọi toàn thể chiến sĩ ưu tú của tôi phải quyết chiến quyết thắng trong trận thư hùng sắp đến đây với chúng. Nhìn khí thế các binh sĩ của tôi trước khi xung trận, tôi hoàn toàn an tâm tin tưởng.

Trận đánh với đội hình như sau. Đại Đội 3 của tôi là mũi xung kích chính, dàn hàng ngang trước lao xá Phan Thiết đối diện địch, mặt cách mặt từ 60 mét đến 100 mét. Đại Đội 2 của Đại Đội Trưởng Vũ Phúc Sinh (Anh cùng Khóa 20, cùng chung Đại Đội D và trung đội suốt thời gian hai năm thụ huấn tại quân trường) có nhiệm vụ song hành với đại đội tôi, từ mặt sau lao xá đánh vào. Vì ta và địch quá gần nhau nên pháo binh và không lực của ta không yểm trợ được. Do đó đích thân Sinh xử dụng hai cối 60 ly, nòng súng hầu như thẳng đứng tác xạ liên hồi chụp lên đầu địch.

Sinh vốn có tiếng tài ba và thông minh ngay khi còn học trong trường, lần này anh tài tình xử dụng hai ổ cối, yểm trợ hỏa lực cho đại đội tôi. Chúng tôi tìm cơ hội xung phong, mọi chiến binh lưỡi lê đã gắn lên đầu súng, sẵn sàng đánh cận chiến với địch khi tình thế bắt buộc.

Đúng 4 giờ 30, tôi ra lệnh các trung đội xử dụng súng phóng lựu M79 tối đa, cũng như hai Đại Liên 30 bắn thật rất vào các ổ kháng cự của địch. Tôi cho xử dụng tối đa hỏa lực của khẩu cối 60 ly cơ hữu. Cùng hỏa lực của Đại Đội 2, thiên la địa võng đã trùm lên đầu địch. Trước giây phút tử sinh, kiểm soát đội hình các binh sĩ của tôi lần chót, bỗng tôi nhìn thấy người anh cả của Sư Đoàn 23 BB, Đại Tá Trương Quang Ân sừng sững đứng sau lưng tôi, với bộ áo quân tác chiến Dù, hàng mai bạc sáng chói, thắt lưng mang colt 45, uy nghi theo dõi trận đánh không biết từ lúc nào. Hình ảnh hiên ngang của

ông nhất định tác động đến tinh thần quyết chiến của toàn thể chiến binh của tôi trong giờ phút tử sinh này.

Tôi vội làm dấu chào ông, tức thời rút khẩu colt bắn ba phát và cất cao tiếng hét:

- 'Đại Đội 3 xung phong!'

Cả đại đội đồng hét lên tiếng hét căm hờn 'xung phong'. Tiếng hét hòa với tiếng súng. Bọn đặc công C481 coi bộ thâm đòn, kháng cự càng lúc càng rời rạc, cuối cùng tan rã, đứng như tiên liệu của tôi trước giờ phút chuẩn bị lâm trận.

Đại Đội 2 và 3 chúng tôi đã chiếm lại lao xá Phan Thiết, binh sĩ của hai đại đội gặp nhau xiết bao vui mừng. Tôi bắt tay Sinh, cảm ơn về sự yểm trợ hỏa lực vô cùng hiệu quả và tài tình, đem lại chiến thắng vẻ vang về cho Sư Đoàn. Sinh ca ngợi tôi phát lệnh xung phong rất đúng thời cơ, và các chiến sĩ dưới quyền tôi rất uy dũng và can trường, cộng quân không thể ngờ được, hoàn toàn bị động đẽ rồi chuốc lấy thảm bại. Chúng tôi chia nhau lục soát và thu nhặt chiến lợi phẩm. Xác địch và súng đạn vất ngổn ngang.

Hình ảnh gây cảm giác mạnh cho tôi đó là khắp chiến hào cộng quân ôm nhau chết, có lẽ trước khi chết họ đã vô cùng khiếp sợ trước hỏa lực ghê ghớm của ta bủa lên đầu họ. Đa số họ trông còn trẻ lắm ước chừng 16 – 17 tuổi, từ miền Bắc mới xâm nhập vào Nam. Cách họ chết trông thảm thương lắm, họ không gây tội ác, mà chính bọn Bắc Bộ phủ Hà Nội mới là tác nhân gây nên tội ác.

Trước khi xung trận tôi mong sao giết được nhiều quân địch, thu thật nhiều chiến lợi phẩm, mang chiến thắng vinh quang, được thưởng nhiều anh dũng bội tinh. Thế nhưng sao hôm nay Đại Đội tôi thắng lớn, tôi đã đạt được ước mong mà sao tôi không cảm thấy vui mà buồn, khi thấy đám đặc công ôm nhau chết, da thịt cháy nám còn khét lẹt mùi thuốc súng. Phải chăng đây là một cuộc chiến nổi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn. Tôi thoáng nghĩ như thế nên lòng tôi thấy bất an.

Sau cuộc hành quân giải tỏa lao xá Phan Thiết thắng lợi, tôi tiếp tục nắm giữ đại đội trưởng Đại Đội 3 trong vòng hai



tháng nữa, hai tháng vất vả. Hầu như ngày nào Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 44 của chúng tôi cũng đối đầu với địch, trận lớn trận nhỏ, cho đến khi chúng đại bại rút chạy vào rừng, kết thúc cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân Đợt Hai tại Bình Thuận nói riêng và toàn quốc nói chung.

Vào lúc này, cơn sốt rét ác tính bỗng nhiên trở lại đe dọa tôi. Tôi uống bao nhiêu chloroquine, chích bao nhiêu thuốc



*Các sĩ quan vừa tốt nghiệp Khóa 25 Võ Bị trình diện Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB.*

cũng không thuyên giảm, cuối cùng tôi được trực thăng đưa về quân y viện Nguyễn Huệ chữa trị. Lần này tôi chính thức giã từ chiến trường vào trung tuần Tháng 4/1968.

Tôi nằm điều trị tại Quân Y Viện Nguyễn Huệ khoảng ba tuần, cơn sốt rét ác tính ‘Đại Quay’ dần dần thuyên giảm, cuối cùng biến mất. Có điều lạ sau khi xuất viện tôi được lệnh trở về trình diện Phòng 1 của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đóng tại Pleiku vào ngày 2 tháng 5 năm 1968.

Tôi chính thức phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II kể từ ngày 2 tháng 5 năm 1968, và được đưa về làm việc tại Phòng 3 Quân Đoàn II kể từ ngày đó cho đến khi mất nước. Tôi thầm nghĩ nếu vì sức khỏe không cho phép thì việc tôi làm Sĩ Quan phụ trách về Kế Hoạch Hành Quân của Phòng 3 Quân Đoàn,



tôi có cơ hội gần gũi với chiến trường nhiều hơn. Thế nên tôi đã từ chối giữ chức vụ Sĩ Quan Đại Diện Quân Đoàn II tại Sài Gòn, cũng như xin thôi giữ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Yểm Trợ Tiểu Khu Darlac Buôn Mê Thuộc, chưa kể tôi còn yêu Phó Núi Pleiku nhiều hơn bất cứ chỗ nào tôi đã đi qua.

Tôi phục vụ gần bảy năm tại P3 / Hành Quân /QĐ II, khi chiến trường Tây Nguyên vô cùng sôi động. Đặc biệt phía Bắc áp lực địch đè nặng Bắc Kontum, vùng Dakto – Tân Cảnh, Tam Biên, xuôi về phía Nam áp lực đe dọa vùng Quảng Đức – Đức Lập. Chúng đã tung các trận đánh ác liệt vào các chiến dịch Hè Thu, Thu Đông, đặc biệt sôi động kể từ mùa Hè Đỏ Lửa 1972 tại Bắc Kontum. Có những chiến dịch chúng tung cả ba sư đoàn tham chiến một lúc.

Trong những trường hợp này, Quân Đoàn II ngoài lực lượng cơ hữu hùng mạnh như Sư Đoàn 22 BB, Sư Đoàn 23 BB, Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân, Thiết Đoàn 3 Ky Binh... còn được tăng cường Lực Lượng Tổng Trừ Bị như các Lữ Đoàn Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân từ trung ương đưa về.

Tôi may mắn giữ chức vụ của một Sĩ Quan Kế Hoạch Hành Quân, nên trận lớn trận nhỏ nào nổi lửa tại Tây Nguyên tôi đều tham dự qua vai trò đại diện Phòng 3, tháp tùng tư lệnh tham dự các cuộc duyệt xét chiến trường. Tôi thấy việc làm này thích hợp với tính năng nổ của một sĩ quan đào tạo tại trường Võ Bị Đà Lạt. Chưa kể tôi có dịp gặp các bạn đồng khóa, nay có người đã trở thành những tiêu đoàn trưởng nổi tiếng của các binh chủng anh hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Thành thật mà nói, tôi thật nhỏ bé trong các buổi duyệt xét chiến trường, nhưng mà tôi “mê “ vai trò đó. Với khẩu colt gọn gàng, ngòi trên trục thẳng bay lượn, tôi vui quên cả hiểm nguy do các pháo đội phòng không của Cộng Sản đang phục sẵn dưới đất chờ bắn hạ.

Quân Khu 2 và vùng Chiến Thuật Tây Nguyên để lại trong đời quân ngũ của tôi những ngày tháng không quên ngay từ bước đầu tôi đến nhận nhiệm vụ cho đến khi hạ màn, khi cả

nước lâm vào số phận đen tối, khi Đồng Minh bội ước tháo chạy, trong khi Việt Cộng được sự yểm trợ trực tiếp của Nga – Tàu xâm lăng miền Nam - Việt Nam ta.

Trận đánh đã đi vào Quân Sử của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Quân Lực Mỹ là trận chiến Pleime, 1965. Đó là trận thư hùng đầu tiên giữa Quân Đội Mỹ Sư Đoàn 1 Không Ky, và Lực Lượng Bắc Việt Sư Đoàn 304 diễn ra tại Tây Nguyên cách Pleiku 40 cây số hướng Tây Nam. Rất tiếc mãi đến tháng 4/1968 tôi mới đổi về phục vụ tại BTL/ QĐ II, nên tôi biết trận này qua nhật ký hành quân của Phòng Hành Quân Quân Đoàn lưu lại. Điểm đáng nói trong trận này lần đầu tiên Mỹ bị thương vong nhiều kể từ khi tham chiến tại Việt Nam. Lần đầu tiên nhóm chớp bu Cộng Sản Bắc Việt vô cùng hoảng sợ, vì lần đầu tiên Mỹ sử dụng chiến thuật Hành Quân Trực Thăng Vận. CSBV vô cùng bất ngờ với lối chuyển quân thần tốc, thế nên chúng không trở tay kịp chuốc lấy thảm bại, mà chiến dịch Pleime này do chính chúng phát động. Đây là một trong những trận chiến tàn khốc nhất tại Tây Nguyên. Tiếp theo cũng là những chiến trận thắng lợi long trời lở đất do các binh đoàn hùng mạnh của Quân Đoàn II Vùng 2 Chiến Thuật mang về, trong gần bảy năm tôi vinh dự đã có mặt tại đây.

Trận đầu tiên tôi có dịp tham dự đó là trận Ben Het. Nơi đây là một tiền đồn Dân Sự Chiến Đấu đóng tại khu vực Tam Biên, ngã ba biên giới Việt-Miền Lào, có nhiệm vụ theo dõi và ngăn chặn lực lượng Cộng Sản Bắc Việt xâm nhập vào Tây Nguyên, từ Dakto - Tân Cảnh và xuống cả Bình Định. Lực lượng này do Mặt Trận B3 CSBV do Tướng CS Hoàng Minh Thảo chỉ huy, đốc toàn lực nhỏ cho bằng được căn cứ Ben-Hét.

Đầu tháng 5/1968 tức là thời gian tôi vừa nhận nhiệm vụ tại BTL /QĐII được vài ngày, tôi được lệnh tháp tùng Tư Lệnh Quân Đoàn và Ban Tham Mưu Hành Quân trực thăng vận tiến về đồn Ben-Het mục đích duyệt xét tình hình. Cho dù có gunship bảo vệ chiếc H34 chở phái đoàn, chúng tôi cũng phải bầm dập khi đáp xuống căn cứ. Việc đầu tiên tôi ghi nhận là toán cố vấn Mũ Nồi Xanh Mỹ trông rất thông dong bên ly cà phê. Trên bàn của họ có một đĩa táo tươi. Cảnh tượng chẳng

có vẻ gì căn cứ đang bị Cộng Quân vây hãm, ngoại trừ xa xa về phía Tây Bắc căn cứ có oanh tạc cơ Mỹ đang nhào lộn oanh tạc các đơn vị Bắc quân. Chúng tôi được một thiếu tá Việt Nam thuộc lực lượng mũ nổi xanh thuyết trình. Có lẽ ông ta là đồn trưởng, thái độ rất bình tĩnh thuyết trình mạch lạc, và tự tin kết luận rằng CSBV sẽ không nhô được căn cứ. Tướng CS CSBV Hoàng Minh Thảo sẽ không cả gan xử dụng biên người để tràn ngập căn cứ, vì hẳn ta biết pháo đài bay B52 của Mỹ sẵn sàng bên căn cứ Okinawa sẽ “rải thảm” tiêu diệt chúng không sót một người. Tôi đồng ý với ý kiến đó. Trở về lại BTL/QĐII, tôi viết tờ trình lên Đại Tá Bình Trưởng Phòng 3, nhấn mạnh trận chiến sẽ tự kết thúc. Quả là như vậy, một thời gian sau bỗng nhiên Ben-Het im tiếng súng, vì lực lượng CSBV tự chém về.

Tôi có cơ duyên phục vụ dưới trướng của bốn vị Tư Lệnh Quân Đoàn. Tuy là một sĩ quan phụ trách về Kế Hoạch Hành Quân, nhưng tôi thường âm thầm viết những văn thư do chính các vị yêu cầu qua trung gian của Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn, hoặc qua trưởng Phòng 3/ QĐII. Thành thử đôi khi tôi cũng có thời gian rảnh rỗi.

Thoạt đầu tôi mới về Phòng 3, có một vài văn thư tôi viết thuần túy về hành quân, nhưng Đại Tá Lê Quang Bình Trưởng Phòng 3 cho tôi biết Trung Tướng Lữ Lan Tư Lệnh đương thời, là một vị tướng có trình độ văn hóa, Ông thấy các văn thư ký tắt phía dưới có chữ ‘tl’ thì Ông dễ dàng ký thông qua. Chẳng hạn, tôi thảo văn thư về Kế Hoạch Hành Quân Săn Diệt Địch chỉ thị các Sư Đoàn Tiểu Khu thi hành. Khi mang lên trình ký, Tư Lệnh duyệt và ký liền không sửa đổi, phổ biến ngay đến các đơn vị liên quan. Đó là văn thư đầu tay khi tôi mới chân ướt chân ráo từ đơn vị chiến đấu về làm việc tại BTL/ QĐII. Có lẽ do chính sự kiện này mà tôi tin vào việc viết lách của mình, và tạo cơ may tôi được phục vụ qua mấy đời Tư Lệnh.

Dưới thời Tướng Ngô Du, Tư Lệnh Quân Đoàn II và Đại Tá Bình, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn là thời gian tôi viết một số văn thư quan trọng cả về hành quân và tham mưu. Tôi nhớ nhất, vào lúc 9 giờ 30 sáng ngày 12 tháng 4 năm 1972,

Đại Tá Nguyễn Đình Bảo tử thương tại căn cứ Charlie do hỏa tiễn của quân Bắc Việt đánh sập hầm chỉ huy. Lúc 4 giờ 30 chiều cùng ngày tôi nhận được điện thoại của Đại Tá Tham Muu Trưởng Quân Đoàn cần gặp tôi gấp. Ông liền vấn tắt cho tôi biết:

- Chiều nay Trung Tướng Tư Lệnh Ngô Du nhận được điện thoại khiển trách của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ Sài Gòn gọi ra. Tổng Thống hỏi lý do tại sao Dù là lực lượng chiến đấu lưu động lại điều đi đóng chốt, gây ra cái chết của Đại Tá Bảo Tiểu Đoàn Trưởng TD11 /Dù tại cứ điểm Charlie sáng nay? Vậy chú (tức là tôi) phải cấp tốc viết một văn thư trình lên Tổng Thống vì sao ta phải xử dụng như vậy, đồng thời thông báo Thủ Tướng Khiêm và Đại Tướng Viên. Sẽ có máy bay gởi về Sài Gòn trong chiều tối hôm nay.

Cũng trong thời Tướng Ngô Du, Mỹ rút quân khỏi căn cứ RAKCLIF Hàm Rồng, bàn giao cho Quân Đoàn II hàng trăm doanh trại, hàng ngàn máy móc, tủ lạnh, tv, vv ... Tổng giá trị theo đánh giá của truyền thông lên đến tiền tỷ mỹ kim.

Đúng! Thời của Trung Tướng Ngô Du tôi phải viết những văn thư không liên can gì đến nhiệm vụ của tôi cả, tôi phải viết vì lệnh trên, có người bảo tôi có tài viết “đen thành trắng, trắng thành đen”. Tôi không thích ai gán cho tôi cái tài chết tiệt đó. Tôi thật sự vui khi tôi làm đúng nhiệm vụ của một sĩ quan phụ trách Kế Hoạch Hành Quân của Phòng 3 Quân Đoàn. Tôi thích tham dự các buổi họp hành quân cấp sư đoàn, quân đoàn tiêu diệt địch, CSBV, hoặc chiều chiều tháp tùng Tư Lệnh lên trực thăng thăm các tiền đồn dọc theo biên giới phía Tây giáp Kampuchia: Từ Dakpek, Daksang rồi Ben Het tiến về phía Nam đến các tiền đồn Buprang –Đức Lập. Tất cả là mười hai tiền đồn, tuy đóng cheo leo biệt lập nhưng mỗi tiền đồn có khung cảnh đẹp riêng. Chính vì vậy ngồi trên trực thăng nhìn xuống, tôi thích thú quên cả các dàn phòng không của địch đang thềm khát bắn hạ con chim sắt của chúng tôi đang bay trên trời.

Bảy năm trời phục vụ tại BTL/QĐII hầu như tôi quen thuộc với đất trời Tây Nguyên. Tôi vui khi nghe tin quân ta đánh

thắng giặc Cộng ròn rã tại các cuộc hành quân Bình Tây dọc theo biên giới Việt Miên thời Trung Tướng Lữ Lan. Tôi buồn khi nghe tin Vợ Chồng Thiếu Tướng Trương Quang Ân đã hy sinh trên chiến trường Buprang - Đức Lập, khi Đại Tá Nguyễn Đình Bảo tử trận tại căn cứ Charlie, khi Tân Cảnh thất thủ vì bội ước của Đồng Minh khiến cho Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB tử trận.

Chuyện Tây Nguyên chuyện ngắn chuyện dài kể sao cho hết, Tôi tiếc thương cho các chiến sĩ đã bỏ mạng trên chiến trường. Máu của họ đã thấm vào lòng đất, nhưng giấc mơ quê hương thanh bình đập tan loài quỷ dữ cộng quân bất thành. Tôi xót xa cho những năm mò hoang của họ, những chiến sĩ vô danh, không ai chăm sóc, đôi khi chẳng còn dấu tích. Nếu có có còn chẳng là nổi ngậm ngùi thiên thu của người thiếu phụ mất chồng, đám con trẻ chờ cha đi mãi không về!

Gần mười năm làm lính trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, có khi đi đánh trận, có lúc về làm tham mưu, cũng có lúc được giao phó chức vụ quan trọng, nhưng suốt cả chặng đường trong Quân Đội tôi là một sĩ quan nghèo, duy chỉ có mong ước đất nước thanh bình dẹp loài quỷ dữ nhưng không thành. Có những đêm nằm lạnh lẽo đói khát trong các trại tù lao động khổ sai ở Việt Bắc, tôi tự nhủ mình không làm gì sai khi phục vụ trong quân ngũ, mọi điều là do vận nước nổi trôi. Tôi giữ mình đúng như lời nguyên trong đêm Truy Diệu tại Vũ Đình Trường Lê Lợi, cũng như phương châm "Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm" trước khi ra trường trở thành một sĩ quan xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam

*PORTLAND OREGON, đêm 11/19/2023*